

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/KDTM-ST  
Ngày: 03-9-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Khương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Đúng
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2020/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2020/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hóa Dược H

Địa chỉ trụ sở chính: Lô C2 Đường X, KCN H, xã M, huyện N, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Tuấn C – Chức danh:

Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế L, sinh năm: 1991

(Văn bản ủy quyền số 09/2020/UQ-HT ngày 06/6/2020)

(Có mặt)

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Công nghiệp Giày T

Địa chỉ trụ sở chính: Số G16/95 ấp K, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Hoàng Thị Bích T1 – Chức danh:

Tổng Giám đốc

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/5/2020 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2018, Công ty TNHH Hóa Dược H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty Cổ phần Giày T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 212.18/HĐNT-HT.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T có mua hàng của Công ty H với tổng số tiền là 139.821.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) theo 02 hóa đơn giá trị gia tăng số 0004353 trị giá 85.690.000 đồng (Tám mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và hóa đơn giá trị gia tăng số 0005607 trị giá 54.120.000 đồng (Năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi nghìn đồng); nhưng Công ty T vẫn chưa thanh toán tiền mua hàng đối với khoản tiền nêu trên cho Công ty H.

Sau nhiều lần thông báo về việc thanh toán số tiền nợ, hai bên có ký Bản đối chiếu công nợ chi tiết theo đó Công ty T xác nhận còn nợ Công ty H số tiền theo 02 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên với số tiền là 139.821.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng). Từ thời điểm đến quá hạn thanh toán cho đến nay, Công ty H đã nhiều lần liên hệ với Công ty T yêu cầu thanh toán số tiền nợ mua hàng còn lại nhưng Công ty T cố tình tránh né, không trả nợ cho công ty H. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 của hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 212.18/HĐNT-HT mà các bên đã thỏa thuận thì Công ty T còn phải chịu số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán và tiền phạt do chậm thanh toán.

Công ty H đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, trong quá trình Tòa án giải quyết thì Công ty T đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên vào ngày 26/3/2020, nhưng không thanh toán số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán và tiền phạt do chậm thanh toán theo nội dung hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty T thanh toán, cụ thể như sau:

– Số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 26/3/2020:  
+ Hóa đơn số 0004353 (từ ngày 27/10/2018 đến ngày 26/3/2020):  
 $85.690.000 \text{ đồng} \times 516 \text{ ngày} \times 0,05\%/\text{ngày} = 22.108.020 \text{ đồng}$  (Hai mươi hai triệu một trăm lẻ tám nghìn không trăm hai mươi đồng); (1)

+ Hóa đơn số 00005607 (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 26/3/2020):  
 $54.120.000 \text{ đồng} \times 482 \text{ ngày} \times 0,05\%/\text{ngày} = 13.042.920 \text{ đồng}$  (Mười ba triệu không trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm hai mươi đồng). (2)

(1) + (2) = 35.150.940 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

– Số tiền phạt do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật:  
 $139.821.000 \text{ đồng} \times 8\% = 11.185.680 \text{ đồng}$  (Mười một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng)

Tổng cộng: 35.150.940 đồng + 11.185.680 đồng = 46.336.620 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi đồng); yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Đối với người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T bà Hoàng Thị Bích T1:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của Công ty T bà Hoàng Thị Bích T1 đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên, còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán và tiền phạt do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hóa Dược H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Công nghiệp Giày T thanh toán lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán và tiền phạt do chậm thanh toán; bị đơn có địa chỉ trụ sở chính của công ty tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T bà Hoàng Thị Bích Thủy vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ Bản đối chiếu công nợ chi tiết từ ngày 01/7/2018 đến ngày 25/11/2019; căn cứ vào Công văn số 01-02/2020/TT ngày 06/02/2020 về việc thanh toán cho Cty TNHH Hóa Dược H của Công ty Cổ phần Công nghiệp Giày T gửi đến Tòa án thì Hội đồng xét xử xét thấy việc Công ty T còn nợ tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty H với số tiền 139.821.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng) là có cơ sở.

[3.2] Ngày 01/6/2020, Công ty T có Công văn số 02-02/2020/TT gửi đến Tòa án thông báo đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho Công ty H và do hiện nay công ty hoạt động đang gặp khó khăn nên yêu cầu không trả lãi phát sinh. Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số 212.18/HĐNT-HT có thỏa thuận về lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm tại khoản 2 Điều 7 và khoản 3 Điều 8 của hợp đồng, cụ thể:

*“... Trong các trường hợp bên mua không thanh toán đúng thời hạn đã quy định tại Điều 5 hợp đồng này, bên mua phải chịu lãi suất quá hạn do bộ tài chính quy định là 0,05%/ngày cho phần giá trị quá hạn thanh toán...”*

*“... Nếu quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán mà bên mua vẫn không thanh toán thì ngoài việc tính lãi quá hạn như khoản 2, Điều 7 của hợp đồng này bên mua còn bị phạt chậm thanh toán căn cứ vào mức phạt vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật...”*

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các bên về số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất là 0,05%/ngày (tương ứng là 1,5%/tháng) và tiền phạt do chậm thanh toán với mức lãi suất là 8% phù hợp với các quy định tại Điều 300, Điều 301 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 357, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc bị đơn yêu cầu không trả lãi phát sinh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn cũng như vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng mà các bên thỏa thuận.

[3.3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 26/3/2020 là 35.150.940 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng) và tiền phạt do chậm thanh toán là 11.185.680 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng); tổng cộng là 46.336.620 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 300, Điều 301 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 11 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

### **Tuyên xử:**

#### **I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.**

1. Công ty Cổ phần Công nghiệp Giày T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hóa Dược H số tiền lãi nợ quá hạn phát sinh do chậm thanh toán tính đến ngày 26/3/2020 là 35.150.940 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm bốn mươi đồng) và tiền phạt do chậm thanh toán là 11.185.680 đồng (Mười một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng); tổng cộng là 46.336.620 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Công nghiệp Giày T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hóa Dược H số tiền 4.459.954 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0079225 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**II.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tuấn Khương**